

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 20/4/2021

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Vũ Anh Kiệt và ông Trịnh Văn Thái;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐST-DS, ngày 09/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-DS, ngày 31/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. *(Có mặt)*

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. *(Vắng mặt)*

2. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Vào ngày 29/5/2020 giữa ông và ông Nguyễn Văn S bà Trần Thị N có xác lập hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất với nhiều điều khoản cam kết theo đó hai bên thỏa thuận ông P cho ông S và bà Nghĩa vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Sau khi lập hợp đồng các bên cùng ký tên và điểm chỉ vào phần cuối

của hợp đồng. Khi các bên ký và điểm chỉ xong thì ông P đã giao cho ông S và bà N 100.000.000 đồng theo như cam kết. Đến hạn thanh toán ông S và bà N không trả tiền, nên ông P đã làm 02 thư nhắc nợ vào ngày 28/10/2020 và ngày 12/10/2020 gửi cho ông S và bà N đòi nợ nhưng ông S và bà N cũng không trả tiền cho ông P. Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà N trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông có ý kiến:

Ông thống nhất với nguyên đơn về toàn bộ nội dung về giấy vay tiền ngày 29/5/2020, theo đó ông và bà N có vay của ông Phong 100.000.000 đồng. Nay ông P khởi kiện yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông và bà N trả lại cho ông P số tiền nêu trên thì ông đồng ý cùng bà N trả lại cho ông P 100.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày với Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Sáng và bà Nghĩa vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông S và bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Ông S và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Thanh P khởi kiện ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông S và bà N có nơi cư trú tại thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị N không có mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của bà Nghĩa được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

Hợp đồng vay tiền xác lập 29/5/2020 hai bên thỏa thuận ông Nguyễn Thanh P cho ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Sau khi lập hợp đồng các bên cùng ký tên và điểm chỉ vào phần cuối của hợp đồng. Khi các bên ký và điểm chỉ xong thì ông P đã giao cho ông S bà N 100.000.000 đồng theo như cam kết. Đến hạn thanh toán ông S bà N không trả tiền. Ngoài ra, ông S cũng thừa nhận nội dung giấy nợ ngày 29/5/2020 là chính ông và bà N có vay của ông P 100.000.000 đồng và ông đồng ý cùng bà N trả cho ông P 100.000.000 đồng. Do vậy, ông P khởi kiện yêu cầu ông S và bà N trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng, là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất: Ông P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông P tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông S và bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh P số tiền **100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

- Ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phong số tiền **2.500.000** đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004605 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

- Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N phải chịu **5.000.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Đương sự;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước

